TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 3 năm 2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hữu Thạnh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
Ông Tô Hải Đăng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Hoàng Hạt– Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị M, sinh năm 1980 (Có mặt).
Địa chỉ: ấp Ch, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 (Vắng mặt).
Địa chỉ: ấp Chiến Thắng, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị M trình bày:

Vào năm 2003 qua tìm hiểu, được cha mẹ hai bên gia đình đồng ý chị Cao Thị M và anh Nguyễn Văn Đ đã về chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, quá trình chung sống hạnh phúc được mười năm thì phát sinh mâu thuẫn nên anh Đ đã bỏ đi làm ăn xa không chung sống với chị M nữa, hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng. Anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay và hiện nay không quan tâm chăm sóc với nhau nữa.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Thời gian chung sống chị M anh Đ có với nhau 03 người con là cháu Nguyễn Thị Hằng N, sinh ngày 28/5/2004, cháu Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 14/12/2006, cháu Nguyễn Nhã Kh sinh ngày 22/5/2012, khi ly hôn chị

M xin nuôi dưỡng cháu L và cháu Kh, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, cháu Ny đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Đ không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh Đ.

. ***Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm***:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Cao Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ .

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 14/12/2006, cháu Nguyễn Nhã Kh sinh ngày 22/5/2012 cho chị Cao Thị M nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung chị M xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tại ấp Chiến Thắng, xã Vĩnh Tuy huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ Tòa án đã thực hiện tống đạt, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết hợp lệ, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, chị M yêu cầu xin ly hôn với anh Đ xin nuôi con. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ "*Ly hôn*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2003, việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia

đình đồng ý, thực hiện đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 146 ngày 28/7/2003 của ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị M xin được ly hôn với anh Đ với lý do trong cuộc sống anh chị thường xuyên cãi nhau, từ đó anh chị thường xuyên xãy ra mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án đối với bị đơn là anh Đ Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do, chứng tỏ anh Đ không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ, qua lời trình bày tại phiên tòa và các lời khai của chị M có trong hồ sơ thể hiện: Vợ chồng anh chị không còn liên lạc và cũng không gặp nhau từ năm 2019 đến nay, chị M không còn yêu thương quan tâm đến anh Đ nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, chị M không còn tình cảm với anh Đ nên chị M kiên quyết ly hôn với anh Đ. Như vậy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, sự mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 xử cho chị M được ly hôn với anh Đ là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị M anh Đ có 03 người con là cháu Nguyễn Thị Hằng N, sinh ngày 28/5/2004, cháu Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 14/12/2006, cháu Nguyễn Nhã Kh sinh ngày 22/5/2012, khi ly hôn chị M xin nuôi cháu L và cháu Kh và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Cháu Ny đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Lel HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu L và cháu Kh do chị M nuôi dưỡng, hiện nay cháu vẫn phát triển bình thường về mọi mặt, cháu L và cháu Kh có nguyện vọng sống với chị M. Do đó để bảo đảm sự phát triển của con chung, cần giao cháu L và cháu Kh cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Là 300.000đ buộc chị Cao Thị M phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Cao Thị M về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị M ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Thị Chúc L, sinh ngày 14/12/2006, cháu Nguyễn Nhã Kh sinh ngày 22/5/2012 cho chị Cao Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh chị có quyền làm đơn yêu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Buộc chị Cao Thị M nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008994, ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Tuy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Hữu Thạnh